

Số: 13//QĐ-TH

Vĩnh Phong, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024
của trường TH Vĩnh Phong – Tiên Phong

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH VĨNH PHONG – TIỀN PHONG

Căn cứ Điều 11, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về chức năng và quyền hạn của hiệu trưởng trường Tiểu học;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Vĩnh Bảo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các xã, thị trấn, các phòng ban, đơn vị;

Theo đề nghị của bộ phận Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2024 của trường TH Vĩnh Phong – Tiên Phong. *(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Điều 2. Bộ phận phụ trách công thông tin điện tử trường TH Vĩnh Phong – Tiên Phong thực hiện việc công khai trên trang tin điện tử của trường.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ, Kế toán, Thủ quỹ và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Phíp

Đơn vị: Trường TH Vĩnh Phong – Tiên Phong

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 13./QĐ-TH ngày 15/01/2024 của trường TH Vĩnh Phong
– Tiên Phong)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.638.288.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.638.288.000

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.265.738.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	372.550.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	